

NHỮNG ĐỔI MỚI TRONG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TÔN GIÁO, TÍN NGƯỠNG

PGS.TS NGUYỄN ĐỨC LỮ

Học viện CTQG Hồ Chí Minh

O Việt Nam, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo đã được quy định trong Hiến pháp (năm 1946, 1959, 1980, 1992 và 1992 sửa đổi). Để bảo đảm quyền lợi chính đáng đó của nhân dân, công tác quản lý nhà nước (QLNN) về tôn giáo, tín ngưỡng của Nhà nước ta luôn đổi mới và hoàn thiện dần phù hợp với sự phát triển chung của điều kiện kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội trong nước và quốc tế.

1. Các chủ trương, đường lối của Đảng về tôn giáo, tín ngưỡng đều được thể chế hoá kịp thời, cụ thể bằng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật. Vì vậy, các chủ trương, đường lối của Đảng về tôn giáo, tín ngưỡng đi sâu vào cuộc sống, giúp cho những người theo đạo dễ thực hành và các cơ quan QLNN có cơ sở pháp lý để thực hiện. Có thể thấy điều này qua một số văn bản sau:

Ngày 16-10-1990, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 24-NQ/TW về tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới, thì ngày 21-3-1991, Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) ra Nghị định số 69-HĐBT quy định về hoạt động tôn giáo.

Ngày 02-7-1998 Bộ Chính trị ra Chỉ thị số 37-NQ/TW về công tác tôn giáo trong tình hình mới, thì ngày 19-4-1999, Chính phủ ban hành Nghị định 26/1999/NĐ-CP về các hoạt động tôn giáo.

Ngày 12-3-2003, Hội nghị lần thứ VII Ban Chấp hành Trung ương khoá IX ra Nghị quyết số 25-NQ/TW về công tác tôn giáo. Sau khi có Nghị quyết, ngày 29-6-

2004, Chủ tịch nước Trần Đức Lương kí lệnh công bố *Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo*, đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XI thông qua ngày 18-6-2004. Đến ngày 01-3-2005, Chính phủ ban hành Nghị định số 22/2005/NĐ-CP hướng dẫn thi hành một số điều của *Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo*. Ngày 15-11-2004, Ban Bí thư ra Thông báo Số 160-TB/TW, ngày 04-02-2005 Thủ tướng Chính phủ ra Chỉ thị số 01/2005/CT-TTg về một số công tác đối với đạo Tin lành.

Như vậy, mọi chủ trương, đường lối của Đảng về tôn giáo, tín ngưỡng đã được thể chế hoá và phù hợp với điều mà xã hội ta đang yêu cầu mọi công dân “sống và làm việc theo pháp luật”.

2. Những quy định mới trong QLNN về tôn giáo, tín ngưỡng thể hiện rõ sự cởi mở và thông thoáng đối với hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng.

- *Việc công nhận các tổ chức tôn giáo.*

Nếu như trong Nghị định số 26 năm 1999 quy định: Tổ chức tôn giáo có tôn chỉ, mục đích, đường hướng hành đạo, cơ cấu tổ chức phù hợp với pháp luật và được Thủ tướng Chính phủ cho phép hoạt động thì được pháp luật bảo hộ (Điều 8) thì đến Nghị định số 22 năm 2005 việc cấp giấy phép hoạt động cho các tổ chức tôn giáo đã được cụ thể hoá và phân cấp rõ tại khoản 2, Điều 16 *Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo*. Cụ thể, thời gian hoạt động tôn giáo ổn định được tính từ ngày tổ chức đó đăng kí hoạt động và được quy định như sau:

- 20 năm đối với tổ chức hình thành ở Việt Nam sau ngày *Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo* có hiệu lực.

- 1 năm đối với tổ chức đã hình thành ở Việt Nam từ 20 năm trở lên trước ngày *Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo* có hiệu lực.

Thời hạn trả lời hồ sơ đăng ký hoạt động tôn giáo được quy định rõ: Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Thủ tướng Chính phủ xem xét ra quyết định công nhận tổ chức tôn giáo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 16 *Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo* (tức là tổ chức tôn giáo có phạm vi hoạt động ở nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương); trường hợp không công nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do; trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch UBND cấp tỉnh ra quyết định công nhận tổ chức tôn giáo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 16 *Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo* (tức là những tổ chức tôn giáo có phạm vi hoạt động chủ yếu ở một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương); trường hợp không công nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Vấn đề phong chức, phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử, cách chức, bãi nhiệm chức sắc trong tôn giáo.

Đây là một nội dung được đổi mới khá rõ rệt trong Nghị định số 22 so với Nghị định số 26. Trước đây, đối với việc phong chức, phong phẩm của những chức sắc, chức việc của các tôn giáo phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Nhưng đến nay, các tôn giáo chỉ phải đăng ký danh sách những người trong diện sẽ được phong chức, phong phẩm. Quy định mới này thể hiện chính sách cởi mở của Đảng và Nhà nước ta trong vấn đề phong chức, phong phẩm của các tôn giáo. Các tổ chức tôn giáo chỉ phải nộp bản đăng ký trên đến Thủ tướng Chính phủ hoặc đến UBND cấp tỉnh với những loại giấy tờ theo quy định tại Điều 16 và 17 của Nghị định số 22.

Đối với việc cách chức, bãi nhiệm chức

sắc trong tôn giáo xem như công việc nội bộ của tôn giáo, nên các tổ chức tôn giáo chỉ phải thông báo đến các cơ quan có thẩm quyền (các cơ quan mà các đối tượng bị cách chức, bãi nhiệm đã được đăng ký việc phong chức, phong phẩm).

- Về thuyên chuyển các chức sắc, nhà tu hành.

Trước kia, Nghị định số 26 quy định: Việc bổ nhiệm, thuyên chuyển những chức sắc, nhà tu hành và những người chuyên hoạt động tôn giáo, kể cả những người do tín đồ bầu ra tùy theo địa bàn cụ thể hoạt động phải được chủ tịch UBND quản lý hành chính các địa bàn đó chấp thuận (Điều 21). Đến *Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo* vấn đề này được quy định thoáng hơn: Khi thuyên chuyển nơi hoạt động tôn giáo của chức sắc, nhà tu hành, tổ chức tôn giáo có trách nhiệm thông báo với Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đi và đăng ký với Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đến (Điều 23). Chỉ trừ trường hợp chức sắc, nhà tu hành vi phạm pháp luật về tôn giáo đã bị chủ tịch UBND cấp tỉnh xử lý vi phạm hành chính hoặc đã bị xử lý về hình sự thì khi thuyên chuyển nơi hoạt động tôn giáo còn phải được sự chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đến theo quy định của Chính phủ.

- Việc đăng ký người vào tu.

Theo quy định mới, các tổ chức tôn giáo chỉ phải đăng ký danh sách những người muốn vào tu với UBND cấp xã nơi có cơ sở tôn giáo hoạt động trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày nhận người vào tu. Đặc biệt, người vào tu không phải nộp đơn xin vào tu như quy định tại Nghị định số 26 trước đây, mà hồ sơ đăng ký người vào tu chỉ còn những loại giấy tờ sau:

+ Danh sách người vào tu;

+ Sơ yếu lý lịch có xác nhận của UBND cấp xã nơi người vào tu có hộ khẩu thường trú;

+ Ý kiến bằng văn bản của cha, mẹ hoặc người giám hộ (với người chưa thành

niên vào tu).

Như vậy, rõ ràng là việc nhận người vào tu của các tổ chức tôn giáo đã dễ dàng hơn quy định trước đây.

- Về hội đoàn tôn giáo.

Trong Nghị định số 26 và Thông tư hướng dẫn của Ban Tôn giáo Chính phủ không có quy định về hội đoàn tôn giáo. Nhưng đến *Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo* vấn đề này được quy định ở Điều 19:

+ Hội đoàn tôn giáo được hoạt động sau khi tổ chức tôn giáo đăng kí với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

+ Việc đăng kí hội đoàn tôn giáo được quy định như sau: Hội đoàn tôn giáo có phạm vi hoạt động trong một huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh đăng kí với UBND cấp huyện nơi hội đoàn hoạt động; Hội đoàn tôn giáo có phạm vi hoạt động ở nhiều huyện, quận, thị xã, thành phố trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đăng kí với UBND cấp tỉnh nơi hội đoàn hoạt động; Hội đoàn tôn giáo có phạm vi hoạt động ở nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đăng kí với cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo ở trung ương.

- Về tài sản của giáo hội.

Nghị định số 26 và Thông tư hướng dẫn thực hiện của Ban Tôn giáo Chính phủ không có quy định về tài sản của giáo hội. Đến *Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo* vấn đề này được quy định rõ ở Điều 26: Tài sản hợp pháp thuộc cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo được pháp luật bảo hộ, nghiêm cấm việc xâm phạm tài sản đó.

- Việc xây dựng, sửa chữa cơ sở thờ tự.

Trước kia, Nghị định số 26 và Thông tư hướng dẫn của Ban Tôn giáo Chính phủ, tại Điều 12, khoản 3 ghi: "Việc sửa chữa lớn làm thay đổi cấu trúc, kiến trúc công trình tại cơ sở thờ tự, việc khôi phục công trình thờ tự bị hoang phế, bị huỷ hoại do chiến tranh, thiên tai, rui ro; việc tạo lập cơ sở thờ tự, việc xây dựng công trình thờ tự (nhà, tượng, bia, đài, tháp và các công trình nhằm mục đích thờ tự) phải được

phép của chủ tịch UBND cấp tỉnh. Đến Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo, những công việc trên được quy định ở Điều 30 với sự phân cấp rõ và thông thoáng hơn. Cụ thể: Việc cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới các công trình thuộc cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo phải thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng. Khi thay đổi mục đích sử dụng của các công trình thuộc cơ sở tín ngưỡng mới phải có sự chấp thuận của UBND cấp huyện; chỉ khi thay đổi mục đích sử dụng của các công trình thuộc cơ sở tôn giáo mới cần phải có sự chấp thuận của UBND cấp tỉnh.

- Về quan hệ quốc tế.

Nghị định số 26 quy định: Hoạt động quốc tế của tổ chức, cá nhân tôn giáo phải tuân thủ pháp luật và phù hợp với chính sách đối ngoại của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trên cơ sở tôn trọng độc lập chủ quyền quốc gia, vì hoà bình, ổn định, hợp tác và hữu nghị (Điều 23). Đến *Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo*, việc quan hệ của các cá nhân và tổ chức tôn giáo được quy định thông thoáng hơn. Tổ chức tôn giáo, tín đồ, nhà tu hành, chức sắc có quyền thực hiện các hoạt động quan hệ quốc tế theo quy định của hiến chương, điều lệ hoặc giáo luật của tổ chức tôn giáo phù hợp với pháp luật Việt Nam (Điều 34). Khi thực hiện các hoạt động quan hệ quốc tế, tổ chức tôn giáo, tín đồ, nhà tu hành, chức sắc phải bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, tôn trọng độc lập, chủ quyền và công việc nội bộ của các quốc gia. Khi tiến hành các hoạt động quan hệ quốc tế sau đây phải có sự chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo ở trung ương: Mời tổ chức, người nước ngoài vào Việt Nam hoặc triển khai chủ trương của tổ chức tôn giáo nước ngoài ở Việt Nam; Tham gia hoạt động tôn giáo, cử người tham gia khóa đào tạo về tôn giáo ở nước ngoài.

Để cụ thể hoá những đổi mới rất cụ thể trên, các văn bản quy phạm pháp luật gần đây đã đề ra quy định cơ quan có thẩm quyền phải trả lời bằng văn bản trong một

thời gian hạn định khi tổ chức tôn giáo kiến nghị, không để xảy ra tình trạng “im lặng đáng sợ”. Cụ thể: Điều 5, khoản 3, Nghị định số 22 quy định: trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, UBND cấp tỉnh có trách nhiệm xem xét, quyết định; trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Điều 6, Nghị định số 22 quy định về việc đăng ký hoạt động tôn giáo: “a) Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban Tôn giáo Chính phủ có trách nhiệm cấp đăng ký cho tổ chức; trường hợp từ chối cấp đăng ký phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do; b) Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo cấp tỉnh có trách nhiệm cấp đăng ký cho tổ chức; trường hợp từ chối cấp đăng ký phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do”. Điều 8 cũng quy định: “Trường hợp không công nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do”.

Ngoài quy định các cơ quan QLNN về tôn giáo phải trả lời bằng văn bản, các văn bản quy phạm pháp luật về tôn giáo gần đây còn cho phép các tổ chức tôn giáo sau khi đăng ký, nếu cơ quan nhà nước có thẩm quyền không có ý kiến theo thời gian hạn định thì các tổ chức tôn giáo được thực hiện theo nội dung đã đăng ký. Cụ thể: Điều 11, Nghị định số 22 về đăng ký hội đoàn tôn giáo quy định: “Sau 45 ngày kể từ ngày nộp đủ hồ sơ hợp lệ, nếu cơ quan nhà nước có thẩm quyền không có ý kiến khác, thì hội đoàn được hoạt động theo nội dung đã đăng ký”.

Một trong những sự đổi mới, thông thoáng rõ rệt nữa trong công tác QLNN về tôn giáo là một số hoạt động, các tổ chức tôn giáo chỉ cần đăng ký là hoạt động mà không cần phải chờ trả lời của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Ví dụ: việc đăng ký người vào tu, Điều 22, Nghị định số 22, quy định: chỉ cần người phụ trách cơ sở tôn giáo gửi hồ sơ đăng ký người vào tu đến UBND cấp xã, nhận người vào tu với hồ sơ đúng quy cách là được. Hoặc việc phong

chức cho chức sắc, nhà tu hành, theo Nghị định số 26 trước đây quy định: “Việc phong giáo phẩm hoà thượng, ni trưởng trong đạo Phật, hồng y, giám mục, chức vụ giám quản trong đạo Thiên Chúa, từ phối sư trở lên trong đạo Cao Đài và các giáo phẩm tương đương trong các tôn giáo khác phải được sự chấp nhận của Thủ tướng Chính phủ. Việc phong chức: đại đức, thượng tọa, ni sư trong đạo Phật, linh mục, bề trên dòng đạo Thiên Chúa, mục sư, truyền đạo trong đạo Tin lành, từ phẩm giáo sư trở xuống trong đạo Cao Đài và các chức sắc tương đương trong các tôn giáo khác phải được sự chấp thuận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh”. Đến Nghị định số 22 quy định những công việc này chỉ cần đăng ký với Ban Tôn giáo Chính phủ hoặc UBND cấp tỉnh.

Đặc biệt là, có một số trường hợp tổ chức tôn giáo chỉ cần thông báo cho cơ quan QLNN về tôn giáo là được. Đó là quy định về việc tổ chức tôn giáo khi cách chức, bãi nhiệm chức sắc thuộc quyền quản lý chỉ cần thông báo bằng văn bản đến cơ quan quản lý nhà nước đã đăng ký. Tổ chức tôn giáo khi chuyển nơi hoạt động của chức sắc, nhà tu hành có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh nơi đi chậm nhất 7 ngày kể từ ngày có quyết định chuyển. Việc tổ chức quyền góp làm công tác xã hội - từ thiện hoặc lo công việc nội bộ của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo... chỉ cần thông báo bằng văn bản trước 15 ngày với cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Việc cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc tôn giáo không phải xin cấp giấy phép xây dựng và “khi sửa chữa, cải tạo công trình kiến trúc tôn giáo mà không làm thay đổi kiến trúc, kết cấu chịu lực và an toàn của công trình, thì không phải xin cấp giấy phép xây dựng, nhưng trước khi sửa chữa, cải tạo, người phụ trách cơ sở tôn giáo phải thông báo bằng văn bản cho UBND cấp xã sở tại biết” □